

Số: 12/2024/QĐST-HNGĐ

Thanh Ba, ngày 31 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Ông Tống Đình C (tức Tống Văn C), sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khu Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 điều 12, Khoản 4 Điều 15, Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5, Điểm d Khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị M và ông Tống Đình C (tức Tống Văn C).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung:* Các con chung đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. *Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể như sau:*

Bà M và ông C thống nhất các tài sản chung của vợ chồng phân chia tại vụ án này gồm:

- 01 diện tích đất là 615m² (trong đó: đất ở = 400m²; đất vườn = 215m²) tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: khu 5, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 705330 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Tống Đình C. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ

- 01 diện tích đất theo số liệu thực tế đang sử dụng và đã được thẩm định tại chỗ là 130m² (đất vườn = 130m²) tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: khu 5, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 705330 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Tống Đình C.

- 01 diện tích đất 125m² tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: khu 6, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 060187 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông Tống Đình C và bà Đỗ Thị M.

2.2.1. *Khi ly hôn, bà M được sử dụng tài sản gồm:*

- 01 diện tích đất 125m² tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 18, địa chỉ: khu 6, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 060187 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 18/7/2012 mang tên ông Tống Đình C và bà Đỗ Thị M.

2.2.2. *Ông Tống Đình C (Tống Văn C) được sở hữu, sử dụng tài sản gồm:*

- 01 diện tích đất là 615m² (trong đó: đất ở = 400m²; đất vườn = 215m²) tại thửa đất số 72, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: khu 5, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 705330 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Ba cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Tống Đình C. Trên đất có 01 nhà xây cấp 4 và công trình phụ.

- 01 diện tích đất là 130m² (đất vườn = 130m²) tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, địa chỉ: khu 5, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 705330 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 29/12/1998 mang tên hộ ông Tống Đình C.

Đối với các tài sản khác là đồ dùng sinh hoạt, hai bên thống nhất để ông C sử dụng, không phân chia.

2.3. *Về nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, ruộng đất nông nghiệp:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về chi phí tố tụng*: Bà M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản) là 3.270.000đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn). Xác nhận bà M đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.5. *Về án phí*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Tống Đình C (tức Tống Văn C). Bà Đỗ Thị M phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0001852 ngày 05/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho bà Đỗ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành/ph án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Ba;
- UBND xã M
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Thanh Loan